

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
1	M	Đặng Hải	An	20	9	2006	031206010719	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
2	M	Hồ Trần Thuận	An	14	10	2002	030202003739	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
3	F	Phạm Nguyễn Thuận	An	18	11	2003	034303013527	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
4	F	Dương Nguyễn Ngọc	Anh	1	4	2005	031305000448	1			1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
5	M	Đoàn Đức	Anh	12	4	2004	031204007100	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
6	M	Đỗ Đức	Anh	1	11	2004	031204007092	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
7	F	Hoàng Phương	Anh	25	12	2007	030307010453	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
8	M	Hoàng Quốc	Anh	6	11	2004	031204000954	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
9	F	Lê Hà	Anh	2	6	2006	031306002276	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
10	F	Lê Phương	Anh	13	5	2007	031307002334	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30; Ca 6: 16h	31-Thg5	Bổ sung
11	M	Lê Tuấn	Anh	17	7	2004	031204005825	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
12	F	Lê Thị Minh	Anh	2	9	2005	031305004966	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
13	F	Lương Ngọc	Anh	14	11	2005	031305010533	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
14	M	Nguyễn Hoàng	Anh	28	8	2003	001203037331	1	1		2	2019	TA	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
15	M	Nguyễn Hùng	Anh	30	11	2005	031205013121	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
16	F	Nguyễn Lâm	Anh	28	4	2004	031304000071	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
17	F	Nguyễn Ngọc	Anh	7	9	2004	031304007927	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	Bổ sung
18	F	Nguyễn Quỳnh	Anh	5	11	2005	031305014465		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
19	M	Nguyễn Tuấn	Anh	7	8	1998	044098007354	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
20	F	Nguyễn Thị Phương	Anh	3	1	2003	031303002962	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
21	F	Nguyễn Thị Phương	Anh	25	11	2005	031305004924	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
22	M	Nguyễn Vũ Ngọc	Anh	5	4	2002	031202000215	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
23	M	Nguyễn Vũ Tùng	Anh	27	10	2006	031206006150	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	Đã chỉnh ca thi
24	M	Phạm Lý Duy	Anh	11	12	2007	031207016860		1		1	2019	TA	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
25	M	Phạm Thế	Anh	22	9	2004	031204010214	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
26	F	Phạm Thị Ngọc	Anh	15	5	2004	031304004015	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
27	F	Phan Thị Ngọc	Anh	11	12	2006	031306006440	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
28	F	Trần Mai	Anh	21	7	2004	031304000273	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
29	F	Trần Phương	Anh	14	10	2006	031306010384	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
30	F	Trần Quỳnh	Anh	27	10	2006	031306004735	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
31	M	Trần Tuấn	Anh	18	3	2003	034203008459	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
32	F	Trần Thu Hà	Anh	1	9	2003	031303014855	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
33	M	Trương Việt	Anh	5	10	2004	031204000520		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
34	M	Vũ Đức Tuấn	Anh	7	1	2004	031204001044	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
35	F	Vũ Hà	Anh	7	12	2006	031306003956	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
36	F	Vũ Minh	Anh	27	1	2007	030307000793	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
37	F	Vũ Phương	Anh	1	5	2005	031305006729	1			1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
38	F	Vũ Thị Hoa	Anh	21	2	2005	031305010874	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	Bổ sung
39	M	Vũ Việt	Anh	2	8	2003	031203005762	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
40	F	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10	2	2005	031305006823	1			1	365	TV	202-B1	Ca 4: 13h30; Ca 5: 15h	30-Thg5	Đã chỉnh ca thi
41	M	Phạm Đức	Ánh	5	9	2004	036204001195	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
42	M	Đào Quang	Bách	16	2	2004	031204005051	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
43	M	Nguyễn Trọng	Bách	21	7	2004	031204005413	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
44	M	Trần Gia	Bào	18	10	2004	031204002399	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
45	M	Vũ Thế	Bào	10	8	2004	031204000734	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
46	M	Đỗ Vũ Mạnh	Cường	16	1	2004	031204009442	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
47	M	Nguyễn Thái	Cường	13	4	2002	040202000146	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
48	M	Phạm Hữu	Cường	20	1	2003	040203025076	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
49	M	Vũ Văn	Cường	28	4	2004	031204004944	1	1		2	2019	TA	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
50	F	Lê Vũ Minh	Châu	23	6	2003	031303006054	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
51	F	Nguyễn Thị Linh	Chi	3	11	2007	031307017104	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
52	F	Nguyễn Thị Vân	Chi	16	10	2007	031307008626	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
53	M	Nguyễn Xuân	Chí	27	4	2004	031204007559	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
54	M	Đỗ Văn	Chiến	26	10	2004	031204003357	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
55	M	Vũ Đức	Chiến	27	7	2003	031203011452	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	Chuyển TV
56	M	Nguyễn Đình	Chính	2	2	2004	031204005509	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
57	M	Phạm Trí	Chung	28	12	2002	031202005834	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
58	M	Nguyễn Bá	Chường	12	11	2002	031202005679	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
59	F	Bùi Thị Ngọc	Diệp	26	12	2006	030306003241	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
60	F	Tạ Huyền	Diệp	23	4	2004	036304007166	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
61	F	Roãn Thị	Đinh	24	11	2004	034304004465	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
62	M	Nguyễn Lê	Du	24	12	2004	031204013393	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
63	F	Lê Linh	Dung	22	4	2004	030304008040		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
64	F	Nguyễn Thị Phương	Dung	25	7	2006	031306006007	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
65	F	Nguyễn Thị Thùy	Dung	8	6	2004	031304012858	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
66	M	Lại Quang	Dũng	28	1	2006	031206006706	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
67	M	Nguyễn Đắc	Dũng	26	8	2004	030204007339	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
68	M	Nguyễn Trí	Dũng	9	12	2004	031204004220	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
69	M	Lại Quang	Duy	8	4	2004	036204000834	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
70	M	Trần Bá	Duy	1	3	2004	031204005030	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
71	F	Nguyễn Thị	Duyên	2	4	2005	031305010139	1			1	2019	TA	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
72	M	Hồ Văn	Dương	2	9	2004	038204016980	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
73	F	Nguyễn Hà Thùy	Dương	30	12	2002	031302007298	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
74	F	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21	7	2006	031306007068	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
75	F	Nguyễn Thùy	Dương	9	4	2007	031307016449	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
76	M	Cao Thành	Đạt	12	1	2005	031205007803	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
77	M	Đặng Thừa	Đạt	28	8	2007	031207010668	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
78	M	Lê Thành	Đạt	5	4	2002	031202008462	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
79	M	Nguyễn Thành	Đạt	23	9	2003	031203004341	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
80	M	Nguyễn Thành	Đạt	2	1	2003	031203012785	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
81	M	Nguyễn Văn	Đạt	18	11	2004	031204000839	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
82	M	Phạm Bá	Đạt	30	11	2002	031202000731	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
83	M	Phạm Tiến	Đạt	18	8	2004	033204004388	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
84	M	Phạm Văn	Đạt	3	1	2004	031204002547	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
85	M	Trần Thành	Đạt	12	2	2001	031201010381		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
86	M	Hoàng Hải	Đặng	23	11	2007	031207011407	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
87	M	Lê Huy	Đặng	31	12	2004	036204014422	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
88	M	Ngô Hải	Đặng	29	8	2002	031202003012		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
89	M	Phan Hải	Đặng	20	4	2003	031203011248		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
90	M	Lã Văn	Đô	11	1	2005	031205006745			1	1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
91	M	Nguyễn Văn	Đông	1	7	2004	031204000838	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
92	M	Đặng Sĩ	Đức	6	7	2004	031204001182	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
93	M	Phạm Mạnh	Đức	15	5	2005	031205002167	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
94	M	Phạm Minh	Đức	1	11	2003	031203006449	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
95	F	Bùi Kiều	Giang	11	1	2004	031304003771	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
96	F	Đỗ Thị Hương	Giang	8	9	2004	031304006907	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
97	F	Hà Thị Hương	Giang	18	2	2004	031304001303	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
98	M	Nguyễn Trường	Giang	18	8	2004	031204002129		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
99	F	Đoàn Ngọc	Hà	26	3	2004	031304011721		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
100	F	Đỗ Ngọc	Hà	24	3	2007	031307005380	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
101	F	Lưu Hoàng Ngọc	Hà	29	5	2004	031304001858	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
102	F	Phạm Thu	Hà	9	5	2003	031303005830	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	Bổ sung
103	F	Vũ Thu	Hà	5	8	2005	031305002497	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
104	M	Nguyễn Hoàng	Hải	23	11	2005	031205007040	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
105	M	Nguyễn Ngọc	Hải	22	12	2004	025204002748	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
106	F	Phạm Thị	Hải	18	12	2005	031305003769	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
107	M	Phạm Văn	Hải	12	8	2004	031204008410		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
108	M	Vũ Hồng	Hải	5	11	2003	031203011028	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
109	F	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	24	7	2006	022306005583	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
110	F	Vũ Thu	Hằng	12	6	2004	031304010004	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
111	F	Nguyễn Ngọc	Hân	6	9	2006	031306006229	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	Đã chinh ca thi
112	F	Nguyễn Thị	Hậu	8	5	2004	031304009095	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
113	M	Nguyễn Văn	Hiên	31	8	2004	031204004028	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
114	M	Đào Trung	Hiếu	9	11	2002	031202003671	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
115	M	Hồ Đức	Hiếu	18	7	2004	031204018748	1	1	1	3	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
116	M	Nguyễn Minh	Hiếu	21	7	2007	031207019470	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
117	M	Nguyễn Trung	Hiếu	8	4	2003	031203009448	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
118	M	Nguyễn Văn	Hiếu	4	5	2004	031204007714	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
119	M	Phạm Trung	Hiếu	15	8	2004	031204005279		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
120	M	Phạm Văn	Hiếu	7	2	2004	031204009922	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
121	M	Phan Đức	Hiếu	21	1	2004	031204006719		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
122	M	Vũ Hữu	Hiếu	15	9	2004	031204006556	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
123	F	Nguyễn Thị	Hòa	22	1	2004	031304005013	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
124	F	Nguyễn Thị Thúy	Hòa	27	5	2004	034304005591	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
125	M	Nguyễn Văn	Hòa	29	11	2004	031204005049		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
126	M	Lê Minh	Hóa	11	12	2005	034205001202	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
127	M	Phạm Văn	Hoàn	14	7	2003	031203012310	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
128	M	Đặng Huy	Hoàng	9	5	2004	034204007224	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
129	M	Đoàn Việt	Hoàng	12	10	2004	002204000913	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
130	M	Đỗ Huy	Hoàng	18	7	2003	031203012652	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
131	M	Đỗ Minh	Hoàng	5	11	2004	031204009895	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
132	M	Trần Trung	Học	15	7	2004	031204005411	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
133	F	Lê Tuyết	Hồng	4	9	2006	031306005794	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
134	F	Trần Bùi Như	Huệ	25	12	2005	031305008041	1			1	365	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
135	M	Đỗ Trọng	Hùng	23	8	2002	031202010023	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
136	M	Nguyễn Đức	Hùng	16	7	2003	031203011870	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
137	M	Nguyễn Mạnh	Hùng	25	9	2004	031204014796	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
138	M	Phạm Phú	Hùng	14	7	2003	031203010840	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
139	M	Vũ Mạnh	Hùng	23	7	2002	031202007689	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
140	M	Đặng Đình	Huy	14	9	2003	031203009574	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
141	M	Lê Quang	Huy	10	8	2004	031204005958	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
142	M	Nguyễn Đức	Huy	25	2	2003	031203000133	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
143	M	Nguyễn Quốc	Huy	21	9	2004	031204002036	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
144	M	Nguyễn Văn	Huy	6	7	2003	040203006363		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
145	M	Phạm Quốc	Huy	19	1	2004	031204005402	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
146	M	Phạm Thế	Huy	13	11	2005	038205031815	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
147	F	Lê Thị	Huyền	13	1	1992	022192004509	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
148	F	Ngô Thu	Huyền	24	5	2005	031305007033	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
149	F	Nguyễn Ngọc	Huyền	17	3	2004	031304003999	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
150	F	Nguyễn Thị Minh	Huyền	29	12	2006	031306014664	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
151	F	Phan Thị Mỹ	Huyền	14	5	2002	042302003573	1			1	2019	TA	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
152	M	Bùi Quang	Hưng	22	2	2004	031204003423	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
153	M	Cao Văn	Hưng	8	11	2002	034202002364		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	Bổ sung
154	M	Đỗ Văn	Hưng	28	12	2004	031204016348	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
155	M	Nguyễn Duy	Hưng	26	6	2004	031204003191	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
156	M	Nguyễn Ngọc	Hưng	9	7	2003	031203004781		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
157	M	Phan Vũ Gia	Hưng	10	3	2007	031207000046		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
158	M	Trần Tiến	Hưng	30	5	2004	031204006211		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
159	M	Trần Việt	Hưng	21	8	2004	036204009878	1	1		2	365	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
160	F	Hồ Thu	Hương	19	10	2006	031306007492	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
161	F	Lại Thu	Hương	9	8	2004	031304001704	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
162	F	Phạm Nguyễn	Hương	24	10	2007	031307014927	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
163	F	Phạm Thu	Hương	24	12	2003	031303009687	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
164	F	Lê Thị Bích	Hường	21	7	2003	031303005112	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
165	M	Lê Trung	Kiên	13	8	2003	031203003281	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h; Ca 3: 10h30	31-Thg5	Bổ sung
166	M	Vũ Anh	Kiệt	20	6	2004	031204001945		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
167	M	Nguyễn Văn Võ	Kỳ	18	4	2004	031204014282	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
168	M	Nguyễn Công	Khả	10	7	2004	031204003150	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
169	M	Đoàn Duy	Khánh	10	3	2004	022204011237	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
170	M	Ngô Nam	Khánh	2	11	2005	034205007037	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
171	M	Nguyễn Lam	Khánh	29	5	2003	031203000318		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
172	F	Nguyễn Thị Kim	Khánh	9	12	2005	031305014385	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
173	M	Phạm Quốc	Khánh	22	4	2002	031202006580	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
174	M	Phạm Quốc	Khánh	6	11	2004	036204001830		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
175	M	Trần Duy	Khánh	6	5	2002	031202003466	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
176	M	Bùi Văn	Khoa	20	10	2002	031202003991	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
177	M	Bùi Đại	Khuê	9	9	2006	031206002369	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
178	M	Nguyễn Tùng	Lam	18	12	1986	031086006387	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
179	M	Nguyễn Đình	Lâm	24	12	2004	031204017475	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
180	M	Trần Thanh	Lâm	10	11	2004	031204005854	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
181	F	Đoàn Thị Thùy	Linh	5	4	2004	031304005826	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
182	F	Đỗ Thị Khánh	Linh	3	5	2003	031303008834	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
183	F	Đồng Phương	Linh	9	4	2005	031305006397	1			1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
184	F	Lê Khánh	Linh	28	2	2007	036307014682	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
185	F	Mai Khánh	Linh	25	4	2004	031304010183	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
186	F	Nguyễn Khánh	Linh	7	8	2006	035306009394	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
187	F	Nguyễn Mai	Linh	16	1	2004	031304000116	1	1		2	2019	TV				Hoãn thi
188	F	Nguyễn Phương	Linh	21	11	2005	031305010077	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
189	F	Nguyễn Phương	Linh	18	5	2006	031306004892		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
190	M	Nguyễn Quang	Linh	13	2	2004	031204003475	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30; Ca 6: 16h	31-Thg5	Bổ sung
191	M	Nguyễn Quang	Linh	28	9	2004	031204007477	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
192	F	Phạm Khánh	Linh	9	12	2005	034305007855	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
193	F	Phạm Thảo	Linh	21	12	2003	031303002326		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
194	F	Phạm Thuý	Linh	14	3	2002	034302006149	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
195	F	Phùng Khánh	Linh	20	9	2006	031306016416	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
196	F	Tạ Khánh	Linh	16	12	2003	031303009544	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
197	F	Trần Thị Khánh	Linh	8	7	2007	031307007964	1			1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
198	F	Đỗ Thị	Loan	20	10	1991	036191013299		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
199	F	Đỗ Thị Mai	Loan	25	9	2006	031306006413	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
200	F	Trần Thị	Loan	11	1	2005	031305005766	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
201	M	Nguyễn Hoàng Phi	Long	14	10	2002	031202004068	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
202	M	Nguyễn Quang	Lợi	11	9	2007	031207011113		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
203	M	Đỗ Thành	Luân	23	10	2004	031204004968	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	Bổ sung
204	M	Đình Văn	Lương	18	6	2004	031204000437	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
205	F	Đỗ Nguyễn Phương	Mai	15	10	2004	031304001341	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	Đã chinh ca thi
206	F	Hoàng Thị	Mai	1	10	2004	031304007698	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
207	F	Lê Thị Xuân	Mai	17	11	2004	031304002444	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
208	F	Lưu Thị Chi	Mai	23	2	2004	031304014003	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
209	F	Nguyễn Thúy	Mai	20	4	2004	031304009200	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
210	M	Châu Đức	Mạnh	14	4	2004	031204002775	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
211	M	Nguyễn Tiến	Mạnh	29	8	2003	031203002756	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
212	M	Vũ Đức	Mạnh	24	11	2002	031202008361	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
213	M	Bùi Hải	Minh	10	12	2004	031204002006	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
214	M	Đoàn Quang	Minh	8	8	2003	033203007382	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
215	M	Hà Sỹ Tấn	Minh	23	8	2004	006204004145	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
216	M	Lưu Quang	Minh	2	10	2004	030204008523	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
217	M	Nguyễn Bình	Minh	6	3	2004	031204009125	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
218	M	Nguyễn Bình	Minh	29	10	2007	031207002765		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
219	M	Nguyễn Đức	Minh	10	10	2004	031204006980		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
220	M	Nguyễn Nhật	Minh	12	1	2002	031202009491	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
221	F	Vũ Thảo	Minh	1	4	2004	031304004778	1			1	2019	TA	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
222	F	Nguyễn Hà	My	31	8	2005	031305002692			1	1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
223	M	Nguyễn Hoài	Nam	1	1	2004	031204017161	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
224	M	Nguyễn Hoàng	Nam	4	12	2000	031200002176		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
225	M	Nguyễn Hoàng	Nam	17	10	2006	031206014003	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
226	M	Nguyễn Thành	Nam	14	3	2002	022202005054	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
227	M	Trần Công	Nam	27	11	2004	040204012152	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
228	M	Trần Hải	Nam	11	5	2004	031204009308	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
229	M	Vũ Hoàng	Nam	27	1	2004	034204008420	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
230	F	Nguyễn Mạc Lệ	Ninh	16	8	2003	031303011173	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
231	F	Vũ Thùy	Ninh	12	11	2006	031306011089	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
232	F	Đỗ Tuyết	Ngân	25	8	2004	031304002292	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
233	M	Đặng Trọng	Nghĩa	4	11	2002	031202009852	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
234	M	Hà Trọng	Nghĩa	1	4	2004	031204007318	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
235	F	Đoàn Thu	Ngọc	4	12	2003	031303002867	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
236	M	Hồ Hoàng Bảo	Ngọc	5	11	2003	031203003998	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
237	F	Lê Hồng	Ngọc	4	10	2004	031304001217		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
238	F	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	1	5	2003	031303006414	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30; Ca 6: 16h	31-Thg5	Bổ sung
239	F	Vũ Hồng	Ngọc	7	11	2006	031306007508	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
240	F	Vũ Thị Hồng	Ngọc	29	11	2007	031307009760	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
241	M	Vũ Văn	Ngọc	21	5	2004	031204003726	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
242	M	Dương Công	Nguyễn	24	8	2003	038203013600		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
243	M	Phạm Huy	Nguyễn	26	8	2005	031205000610		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
244	M	Vũ Đình	Nhật	15	8	2003	034203011475	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30; Ca 3: 11h	30-Thg5	Đã chỉnh ca thi
245	F	Phạm Lê Ý	Nhi	18	10	2005	031305004452	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
246	F	Mai Thị	Oanh	29	2	2004	034304005189	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
247	M	Nguyễn Trọng	Phú	18	10	2007	031207013388	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
248	M	Nguyễn Văn	Phú	10	6	2002	031202000711	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
249	M	Đào Gia	Phúc	28	8	2002	031202006334	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
250	M	Giang Hoàng	Phúc	18	12	2004	031204001845	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
251	F	Kiều Thị	Phúc	10	1	1997	035197001457	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
252	M	Lê Đình	Phúc	26	12	2005	031205004360	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
253	M	Nguyễn Bảo	Phúc	12	3	2004	031204003963	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
254	M	Phạm Minh	Phúc	13	12	2004	031204012266	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
255	M	Đặng Quốc	Phước	16	12	2003	031203011302	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
256	M	Nguyễn Đức	Phước	28	5	2000	031200009914	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
257	F	Hoàng Thu	Phương	8	10	2004	031304000726		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
258	F	Nguyễn Thu	Phương	11	10	2004	031304002190		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
259	F	Trần Thị	Phương	27	8	1989	035189000632	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
260	M	Vũ Xuân	Phương	20	7	2003	067203000871	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
261	F	Phạm Thị Minh	Phương	14	8	2003	031303012156	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
262	M	Tạ Hữu	Quang	29	4	2006	031206003471	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
263	M	Đỗ Minh	Quân	3	7	2004	034204005029	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
264	M	Lý Anh	Quân	28	6	2006	031206006956	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
265	M	Nguyễn Hồng	Quân	23	11	2005	031205001642	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
266	M	Nguyễn Minh	Quân	20	2	2004	040204000926	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
267	M	Phạm Văn	Quân	5	2	2006	030206008286	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
268	M	Trần Minh	Quân	8	3	2004	046204007613	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
269	M	Đức Minh	Quyền	20	4	2003	034203003838	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
270	M	Nguyễn Việt	San	13	12	2004	036204007525	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
271	M	Nguyễn Văn	Sang	23	8	2004	031204017679	1	1		2	2019	TA	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
272	M	Phan Thái	Sang	27	11	2005	040205006353	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
273	M	Nguyễn Xuân	Sắc	19	9	2004	031204013954	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
274	M	Đặng Thái	Sơn	23	1	2003	031203003818		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30	30-Thg5	
275	M	Lê Văn	Sơn	19	2	2001	031201003238	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
276	M	Trần Tuấn	Sơn	11	8	2003	031203005323		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
277	M	Trịnh Công	Sơn	12	4	2002	031202009022	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
278	M	Trịnh Thanh	Sơn	8	1	2004	036204001000	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
279	M	Nguyễn Trương Minh	Sử	28	5	2004	084204007166	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
280	M	Đặng Văn	Tài	30	3	2005	031205001671	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
281	M	Nguyễn Văn	Tám	27	9	2004	030204003569	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
282	F	Đặng Thanh	Tâm	8	6	2004	034304009603	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
283	M	Phạm Trọng	Tấn	18	3	2004	036204018859	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
284	M	Phạm Minh	Tiến	16	4	2007	034207006852	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
285	M	Đỗ Danh	Toàn	8	9	2004	031204005842	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
286	M	Nguyễn Trung	Toàn	11	10	2006	031206005913	1	1		2	2019	TV				Hoãn thi
287	M	Đỗ Anh	Tú	19	8	2006	034206006531	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
288	M	Hoàng Anh	Tú	24	3	2003	031203005433	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
289	M	Đặng Thanh	Tuấn	11	1	2004	031204001422	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
290	M	Đông Xuân	Tuấn	27	10	2004	031204006468	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
291	M	Nguyễn Anh	Tuấn	26	11	2006	031206005845		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
292	M	Nguyễn Quốc	Tuấn	15	7	2004	077204018013	1	1	1	3	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
293	M	Nguyễn Văn	Tuấn	24	6	2004	040204009127	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
294	M	Phạm Đức	Tuấn	25	7	2007	034207003080	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
295	M	Phạm Như	Tuấn	21	3	2004	034204001220	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
296	M	Phạm Thanh	Tùng	5	11	2007	031207010051	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
297	M	Vũ Anh	Tùng	28	8	2002	031202008192	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
298	M	Đào Trọng	Tuyền	22	8	2005	031205010084	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
299	M	Phạm Văn	Tuyền	22	1	2004	031204007600	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
300	M	Phạm Văn	Tuyền	3	11	2005	031205006902	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
301	F	Đông Thị	Tươi	22	10	2004	031304007637	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
302	M	Phan Trịnh	Thái	27	3	2002	019202000088	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h	31-Thg5	
303	F	Hoàng Thị Ngọc	Thanh	24	11	2004	035304002688	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
304	M	Bùi Văn	Thành	8	12	2004	031204001164		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
305	M	Bùi Văn	Thành	12	11	2006	031206002332	1	1		2	2019	TA	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
306	M	Trần Hải	Thành	19	8	2004	031204000791	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
307	F	Khổng Thị Phương	Thảo	25	10	2005	031305011139	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 7: 18h	30-Thg5	
308	F	Nguyễn Thị	Thảo	19	8	1993	014193011875	GS6 Lv1	GS6 Lv3		2	GS6	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
309	F	Phạm Phương	Thảo	31	7	2007	031307013607	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
310	M	Đinh Văn	Thắng	19	1	2004	031204006149	1	1		2	2019	TA	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
311	M	Nguyễn Đức	Thắng	14	11	2002	031202002569	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
312	M	Vũ Hoàng	Thắng	20	1	2004	031204013699	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
313	F	Nguyễn Trường	Thi	27	8	2002	031302005849	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
314	F	Vũ Hà	Thi	8	12	2006	031306003125	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
315	M	Nguyễn Phú	Thiện	19	7	2002	031202009734	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
316	M	Nguyễn Trường	Thiện	16	2	2004	044204000447	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
317	M	Vũ Trọng	Thiện	3	2	2004	031204007502	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
318	M	Đỗ Đức	Thịnh	29	10	2003	031203010897	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
319	M	Vũ Bá	Thống	11	12	2004	034204006897	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
320	F	Khúc Thị	Thu	29	7	2005	031305006510	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
321	M	Bùi Đức	Thuận	28	10	2004	031204006471	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
322	M	Trần Bá	Thuận	7	10	2007	031207013045		1		1	2019	TV	203-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
323	M	Nguyễn Văn	Thường	24	8	2004	031204006372	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
324	F	Bùi Thị Mai	Trang	18	8	1987	031187004022	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
325	F	Hà Kiều	Trang	19	9	2004	031304005645	1	1		2	365	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
326	F	Lê Thị Huyền	Trang	7	12	2004	031304008003	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
327	F	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	2	8	2003	031303006715	1	1	1	3	365	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 2: 9h	31-Thg5	
328	F	Nguyễn Thị Thu	Trang	14	10	2004	034304007672		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 2: 10h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
329	F	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	8	2002	031302002077	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	Đã chinh ca thi
330	F	Nguyễn Thu	Trang	2	7	2006	031306005930	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
331	F	Phạm Quỳnh	Trang	12	8	2004	031304000896	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
332	F	Trịnh Thị Thu	Trang	14	6	2004	031304009758		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
333	M	Nguyễn Đình	Trọng	24	5	2004	031204010067	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
334	M	Hoàng Thành	Trung	23	10	2001	031201010360	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
335	M	Nguyễn Công Thành	Trung	9	11	2007	031207003355	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
336	M	Nguyễn Đức	Trung	4	10	2004	031204010068	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
337	M	Nguyễn Thành	Trung	11	5	2004	034204001365	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 6: 16h30 Ca 7: 18h	30-Thg5	
338	M	Nguyễn Thế	Trung	4	2	2002	031202008333	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
339	M	Phan Văn	Trung	15	4	2003	031203012716	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
340	M	Vũ Ngọc	Trung	22	2	1999	031099004729	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	
341	M	Đông Xuân	Trường	20	12	2004	031204003631	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
342	M	Trần Văn	Trường	9	9	2004	038204022163	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 4: 13h30 Ca 5: 15h	30-Thg5	
343	F	Phạm Thu	Uyên	28	7	2004	031304007962	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	Đã chinh ca thi
344	F	Trần Thị	Ước	27	8	2002	031302001543	1	1	1	3	2019	TA	202-B1	Ca 4: 13h Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
345	F	Phạm Thị Thúy	Vân	1	5	2002	031302004028	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
346	M	Nguyễn Trần Trung	Việt	23	12	2004	031204002781	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
347	M	Nguyễn Văn	Việt	1	12	2004	031204001298		1		1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 7h30	31-Thg5	
348	M	Phạm Lê Quốc	Việt	1	10	2003	031203007308	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	
349	M	Trần Văn	Việt	30	6	2002	031202005714	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 5: 14h30 Ca 6: 16h	31-Thg5	
350	M	Vũ Văn	Việt	22	4	2004	031204007920	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
351	M	Phạm Văn	Vinh	27	9	2007	031207014942	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 1: 7h30 Ca 4: 13h	31-Thg5	

STT	Gender	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	CCCD	Word	Excel	PP	Total	Phiên bản	Ngôn ngữ	Phòng thi	Ca thi	Ngày thi	Ghi chú
352	M	Vũ Thành	Vinh	27	6	2003	031203008444	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
353	M	Phạm Minh	Vương	22	5	2003	031203006002	1	1		2	2019	TV	202-B1	Ca 2: 9h Ca 3: 10h30	31-Thg5	
354	F	Vũ Triệu Hà	Vy	16	9	2005	031305003369	1			1	2019	TV	202-B1	Ca 1: 8h	30-Thg5	
355	F	Đoàn Thị Thanh	Xuân	10	10	2006	031306001904	1	1		2	2019	TV	203-B1	Ca 2: 9h30 Ca 3: 11h	30-Thg5	